

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doanh Thiêm Vân

Ông Đào Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn C (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 18 tháng 5 năm 1996 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn S (đã chết) và bà Triệu Thị M, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là Bàn Thị K, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện N. Có mặt.

2. Đặng Xuân Đ (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 20/11/1983 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Xuân T, sinh năm 1957 và bà Liêu Thị H, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ là Lương Thị Đ1, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Bản án hình sự sơ thẩm số 365/2021/HS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 21 tháng tù, về

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 20/10/2022 chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 23/3/2001, Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp; Ngày 27/11/2013, Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bài; Ngày 21/6/2011, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 21/8/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bàn Thị K, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lý Văn H1, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Chu Văn V, sinh năm 1974 - Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (đã chết).

- Anh Đinh Quang L, sinh năm 1988 - Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Lâm Huy N, sinh năm 1987 - Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Lý Xuân K1, sinh năm 1980 - Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Triệu Văn T1, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Anh Triệu Văn C1, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi tạm trú: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Triệu Lành Đ2, sinh năm 1989 - Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Triệu Văn T3, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người làm chứng Đặng Văn T2, T Lành Đạo có mặt. Những người làm chứng khác đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 00 phút, ngày 27/6/2023 tổ công tác Công an huyện N đang thực hiện nhiệm vụ tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã phát hiện tại nhà cũ của Đặng Văn C có một số đối tượng tụ tập có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Khi tổ công tác đến kiểm tra thì có 01 (một) đối tượng nam giới bỏ chạy ra cửa sau nhà bếp, còn 02 (hai) đối tượng nam giới đang đứng ở khu vực phía trong nhà bếp có họ tên lần lượt là: Lâm Huy N và Đặng Văn C. Khi tổ công tác yêu cầu kiểm tra người thì Đặng Văn C có hành động dùng tay trái cầm 01 (một) gói giấy màu trắng để trong khe hở trên cột gỗ bên phải cửa nhà bếp chạy vào trong phòng vệ sinh vứt xuống bồn cầu. Tổ công tác nhanh chóng giữ C lại và dùng gấp gỗ gấp gói giấy màu trắng ra khỏi bồn cầu, đồng thời mở gói giấy ra phát hiện có chất màu trắng dạng cục bị ẩm ướt nghi là chất ma túy, tổ công tác tiến hành tách số chất màu trắng dạng cục ra khỏi lớp giấy ban đầu và cho ra một mảnh giấy khô, sau đó gói lại. C khai nhận gói giấy màu trắng chứa chất màu trắng dạng cục mà C vứt xuống bồn cầu là ma túy, loại heroine của C mua về để sử dụng. Tổ công tác tiến hành kiểm tra người Cương phát hiện số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tại túi quần đằng trước bên trái C đang mặc, ngoài ra không phát hiện thu giữ, tạm giữ gì thêm. Tiến hành kiểm tra người Lâm Huy N, tổ công tác không phát hiện thu giữ, tạm giữ gì. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C, thu giữ, niêm phong gói chất màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu T1, mảnh giấy gói cũ bị ẩm ướt, rách thành nhiều mảnh nhỏ bám dính đất được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu T3; Tạm giữ, niêm phong số tiền 600.000đ trong phong bì ký hiệu T2, sau đó đưa Đặng Văn C, Lâm Huy N về trụ sở Công an huyện N để tiếp tục xác minh, làm rõ.

Hồi 16 giờ 40 phút cùng ngày, cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và công trình liên quan của Đặng Văn C qua khám xét đã phát hiện tạm giữ: Tại trên mặt đệm trong phòng gian chính giữa nhà cũ Đặng Văn C 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt (niêm phong trong phong bì ký hiệu A1) và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt (niêm phong trong phong bì ký hiệu A2); Tại trên giường trong phòng ngủ sát nhà bếp cũ của Đặng Văn C 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, màu xanh (niêm phong trong phong bì ký hiệu A3) và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Narzo, màu xanh (niêm phong trong phong bì ký hiệu A4); Tại trong túi sách được để trong tủ quần áo trong phòng ngủ 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu trắng, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt (niêm phong trong phong bì ký hiệu A5); Tạm giữ 01 (một) xe mô tô BKS: 97E1-007.80, kèm theo chìa khóa xe (loại chìa khóa điện tử); 01 (một) chiếc cân điện tử màu đen, không gắn pin, có vỏ mặt cân bằng nhựa màu bạc, có một vết cháy xém để trong chạn bát được niêm phong trong túi chuyên dụng có mã số: NS2 2103653; 01 (một) chiếc cân điện tử màu đen, có vỏ mặt cân bằng nhựa màu bạc, gắn 02 chiếc pin để trên mặt chạn bát (niêm phong trong túi chuyên dụng có mã số: NS2 2103651) và 01 (một) thẻ nhớ gắn trong camera gắn trước sân nhà cũ Đặng Văn C. Phát hiện thu giữ: 01 (một) gói chứa chất màu trắng dạng cục và bột được gói bằng 03 (ba) lớp túi ni lon trong suốt, buộc bằng 02 (hai) dây thun màu đen (niêm phong trong túi

chuyên dụng có mã số: NS2 2103652) tại hiên phía sau bếp vị trí gần cột trụ nhà có gắn bản lề cửa bếp nhà cũ của **Đặng Văn C**, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì thêm.

Hồi 20 giờ 05 phút ngày 27/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** tiến hành mở niêm phong: Phong bì ký hiệu T1 bên trong có 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất trắng dạng cục, cân riêng số chất bột màu trắng dạng cục có khối lượng 0,14gam (không phẩy mười bốn gam) và thử phản ứng nhanh phát hiện chất ma túy, sau đó tiến hành niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì ký hiệu G1 để gửi trung cầu giám định; Túi niêm phong mã số: NS2 2103652 bên trong có 01 (một) gói chứa chất màu trắng dạng cục và bột, cân riêng số chất bột màu trắng dạng cục và bột có khối lượng 37,71gam (Ba bảy phẩy bảy một gam) và thử phản ứng nhanh phát hiện chất ma túy, sau đó tiến hành niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì ký hiệu G3 để gửi trung cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 22/KL-KTHS ngày 06/7/2023 của **Phòng K3 Công an tỉnh B** kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,14gam (không phẩy mười bốn gam); Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 37,71gam (Ba bảy phẩy bảy một gam).

Tại Cơ quan điều tra **Đặng Văn C** khai nhận: Ngoài việc mua ma túy về để sử dụng cho bản thân thì **C** còn được bán ma túy cho những người sau: Cùng ngày 17/6/2023, vào khoảng 10 giờ, **C** bán 01 (một) gói ma túy cho **Lý Văn H1** với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Khoảng 11 giờ, **C** được bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) cho **Chu văn V1**; Tiếp đó khoảng 17 giờ **C** bán 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho **V1**. Vào buổi trưa, **C** bán 01 (một) gói ma túy cho **Đinh Quang L** với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, **H1**, **V1**, **L** đã sử dụng hết.

Cùng ngày 17/6/2023, vào khoảng 17 giờ, **C** được bán 01 (một) gói ma túy cho một người đàn ông tên **K2** (không biết họ tên đệm, địa chỉ) với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), lúc đó **K2** chưa có tiền trả cho **C** mà cầm cố giấy phép lái xe cho **C**, sau đó **K2** đã lấy lại giấy phép lái xe và nói sẽ chuyển tiền qua tài khoản cho **C** nhưng do không để ý nên không biết **K2** đã chuyển tiền cho **C** hay chưa. Vào khoảng 17 giờ, **C** được bán 01 (một) gói ma túy cho một người đàn ông tên **K1** (không biết họ tên đệm, địa chỉ) với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Vào khoảng 18 giờ, **C** được bán 01 (một) gói ma túy cho một người đàn ông tên **S1** (không biết họ tên đệm, địa chỉ) với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Khoảng 12 giờ ngày 24/6/2023, **Lý Xuân K1** đi vào trước cửa nhà bếp (cửa bếp đóng, chốt bên trong) gọi “Đích ơi” thì có **Đặng Văn T2** đang ở trong nhà bếp trả lời “không có gì đâu”, xong **K1** trả lời “anh **K1** đây”, lúc đó **C** đi từ nhà chính ra vị trí gần cửa bếp, sau đó **K1** đưa tờ tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) qua khe hở của cửa gỗ nhà bếp và **C** cầm tiền, cùng lúc đó có **Đặng Xuân Đ** đi từ trong phòng ngủ sát nhà bếp đi ra, thấy **Đ** ra **C** đưa tiền vừa cầm của **K1** cho **Đ** để **Đ** bán ma túy cho **K1** rồi đứng ở gần cửa nhà bếp, **Đ** cầm tiền từ **C** đưa cho rồi đi ra vị trí chặn bát cầm 01 (một) chiếc cân điện tử hình tròn, màu đen rồi đi vào phòng ngủ khép cửa lại được

khoảng 02 (hai) phút sau đi ra đưa cho C 01 (một) gói ma túy được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, sau đó C đưa gói ma túy qua khe cửa cho K1 rồi K1 đi về.

Khoảng 12 giờ ngày 27/6/2023, C được bán 01 (một) gói ma túy cho Lý Văn H1 với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Lần mua ma túy này Lý Văn H1 đến hỏi mua ma túy với Đặng Xuân Đ (hiện thuê ở nhà cũ của Đặng Văn C, thuộc thôn K, xã T và ở tại đây) thì Đ bảo C lấy ma túy của Đ để trong chạn bát gần cửa nhà bếp bán cho H1. Sau đó H1 đứng bên ngoài cửa bếp đưa tiền qua khe hở cửa gỗ nhà bếp, C đứng bên trong nhà nhận tiền và cầm gói ma túy để trong chạn bát rồi đưa qua khe hở cửa gỗ nhà bếp cho H1, khi H1 nhận được gói ma túy thì đi về. Số tiền bán ma túy có được C để trên chạn bát sau đó Đ đã cất đi. Sau khi H1 mua được ma túy H1 đã sử dụng hết.

Về phương thức, thủ đoạn, địa điểm mua bán ma túy thì H1, V1, L, K2, S1, K1 đều trực tiếp đến nhà cũ của Đặng Văn C thuộc thôn K, xã T, N, Bắc Kạn để hỏi C mua ma túy, sau đó người mua ma túy đứng ngoài cửa bếp (cửa đóng, cài chốt bên trong) đưa tiền qua khe hở cửa gỗ nhà bếp, C đứng bên trong nhà bếp nhận tiền rồi đưa gói ma túy ra khe hở cửa gỗ nhà bếp, người mua cầm gói ma túy rồi đi về. Những người đến mua ma túy không đến cùng một thời gian mà người trước mua xong đi về thì người tiếp theo mới đến mua ma túy. Số tiền có được nhờ bán ma túy C đã sử dụng chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết.

Về nguồn gốc số ma túy C có để bán C khai nhận được mua với Đặng Xuân Đ, vào khoảng 17 giờ ngày 17/6/2023, C mua với Đ 01 (một) gói ma túy với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), tại nhà bếp nhà cũ của C. Số ma túy C mua được với Đ ngày 17/6/2023, C đã sử dụng và bán hết cho những người đã trình bày ở trên. Ngoài ra vào buổi trưa ngày 27/6/2023 trước khi bị bắt, C được mua 01 (một) gói ma túy với Đặng Xuân Đ với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cũng tại nhà bếp nhà cũ của C. Sau khi mua được C đã trích một phần chất ma túy ra sử dụng, phần còn lại C gói lại rồi cất lên khe hở trên cột gỗ bên phải cửa nhà bếp (hướng từ trong ra ngoài) nếu có ai hỏi mua thì bán (không chia cụ thể phần nào bán, phần nào sử dụng) cho đến khi lực lượng Công an đến kiểm tra, C đã cầm gói ma túy trên vút vào bồn cầu vệ sinh sau đó bị bắt, thu giữ gói ma túy trên.

Qua xác minh, ghi lời khai Lý Văn H1, Chu Văn V, Đinh Quang L phù hợp với lời khai của Đặng Văn C và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đối với người đàn ông tên K2, S1, K1 qua xác minh không xác định được nhân thân, lý lịch của những người trên nên không triệu tập được để điều tra làm rõ hành vi mua ma túy với C.

Tiến hành điều tra mở rộng vụ án và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định Đặng Xuân Đ có liên quan đến vụ án, qua xác minh xác định Đặng Xuân Đ không có mặt tại địa phương nơi cư trú nên Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy tìm số 25/QĐ-TT ngày 02/7/2023 đối với Đặng Xuân Đ để phục vụ công tác xác minh, điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án. Ngày 09/8/2023 Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn phát hiện Đặng Xuân Đ đang có mặt tại Tổ G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nên đã mời về trụ sở để làm việc và bàn giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Đặng Xuân Đ khai nhận khoảng cuối năm 2022, Đ đã lên khu vực mỏ vàng Ma Nu thuộc thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để tìm việc làm. Tại đây Đ có quen và chơi với Đặng Văn C, sau đó đến khoảng đầu tháng 4 năm 2023, Đ đến ở nhà cũ của Đặng Văn C, cùng ở với Đ còn có anh Lý Quang T4, sinh năm 1976, nơi thường trú: xóm T, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Minh T5, sinh năm 1997, nơi thường trú: Tổ A, Phường H, thành Phố T, tỉnh Thái Nguyên. Lý Quang T4 là người viết giấy hợp đồng thuê căn nhà cũ với Đặng Văn C trong thời hạn một năm, Đ là người trả tiền thuê nhà với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Ngày 20/6/2023 có Lâm Huy N cùng đến ở để tìm việc làm. Đến khoảng 13 giờ ngày 27/6/2023 khi có lực lượng Công an đến kiểm tra, thì Đ đã bỏ chạy ra cửa sau nhà bếp lên đồi ẩn nấp, khi Đ bỏ chạy đã để lại tại nhà cũ của C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 và 01 (một) xe mô tô biển số 97E1-00780. C và N bị Cơ quan Công an kiểm tra. Đến ngày 09/8/2023 Công an huyện C phát hiện, đã mời Địch về trụ sở làm việc và bàn giao lại Cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra làm rõ.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được thông qua kiểm tra dữ liệu điện tử trích xuất từ thẻ nhớ gắn trong camera được lắp trước sân nhà cũ của Đặng Văn C (camera do Đặng Xuân Đ bảo C lắp đặt và Đ là người quản lý, sử dụng) và theo lời trình bày của Đặng Văn C, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, xác định được những người sau: Triệu Văn T1; Triệu Văn C1; Triệu Lĩnh Đ2; Triệu Văn T3; Đinh Quang L; Lý Văn H1; Lý Xuân K1 được đến nhà cũ của Đặng Văn C (nhà mà Đ thuê ở) gọi hỏi và mua ma túy với Đặng Xuân Đ.

Tại cơ quan điều tra Đặng Xuân Đ không khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đến giai đoạn truy tố bị cáo Đ đã thành khẩn khai nhận các lần bán ma túy, cụ thể:

Khoảng 17 giờ ngày 17/6/2023, Đ bán cho Đặng Văn C 01 (một) gói ma túy với giá tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Trưa ngày 27/6/2023, Đ bán cho C 01 (một) gói ma túy với giá tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), việc bán ma túy đều tại nhà bếp nhà cũ của C thuộc thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Khoảng 12 giờ ngày 24/6/2023, Đ bán cho Lý Xuân K1 01 (một) gói ma túy với giá tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại nhà cũ của C (Việc mua bán được thực hiện qua khe hở cửa gỗ nhà bếp nhà cũ của C). Quá trình mua bán ma túy giữa Đ với K1 thì C có được giúp nhận tiền và đưa ma túy của Đ cho K1. Sự việc có Đặng Văn T2 chứng kiến toàn bộ.

Ngày 27/6/2023, khoảng 09 giờ Địch bán cho Triệu Văn T1 01 (một) gói ma túy với giá tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và bán cho Triệu Văn C1 01 (một) gói ma túy với giá tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), đều tại nhà bếp nhà cũ của C.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ bán cho Lý Văn H1 01 (một) gói ma túy với giá tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại nhà cũ của C (Việc mua bán được thực hiện qua khe hở cửa gỗ nhà bếp nhà cũ của C). Quá trình mua bán ma túy giữa Đ và H1 thì C có được giúp nhận tiền và đưa ma túy của Đ cho H1.

Ngoài ra bị cáo còn khai nhận trong tháng 6/2023 (không nhớ cụ thể giờ và ngày bán) được bán ma túy cho Triệu Lĩnh Đạo, Triệu Văn T3 mỗi người 01 (một) lần,

mỗi lần 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và bán cho **Đinh Quang L** 02 lần, mỗi lần 01 (một) gói ma túy với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Các lần bán ma túy đều tại nhà cũ của **Đặng Văn C** và số tiền bán ma túy **Đ** đã mang đi tiêu dùng cá nhân hết.

Về nguồn gốc số ma túy Đích có để bán, **Đ** khai nhận mua với người đàn ông (Đích không rõ họ tên, địa chỉ) tại **B, tỉnh Thái Nguyên**, sau đó mang về chia nhỏ để bán kiếm lời.

Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành nhận dạng giữa **Triệu Văn C1, Triệu Văn T1** với **Đặng Xuân Đ**. Kết quả nhận dạng **C1, T1** khẳng định người bán ma túy cho **C1, T1** trong ngày 27/6/2023 tại nhà cũ của **Đặng Văn C** là **Đặng Xuân Đ**.

Ngày 04/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định thực nghiệm điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa **Đặng Văn C** với **Lý Văn H1, Chu Văn V, Đinh Quang L**. Kết quả thực nghiệm đã thể hiện rõ vị trí, khoảng cách và diễn biến vụ việc đều phù hợp tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 19/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định thực nghiệm điều tra đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Đặng Xuân Đ** với **Triệu Văn C1, Triệu Văn T1**. Kết quả thực nghiệm đã thể hiện rõ vị trí, khoảng cách và diễn biến vụ việc đều phù hợp tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 15/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định thực nghiệm điều tra đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa **Đặng Văn C, Đặng Xuân Đ** với **Lý Xuân K1**, có sự chứng kiến của **Đặng Văn T2**. Kết quả thực nghiệm đã thể hiện rõ vị trí, khoảng cách và diễn biến vụ việc đều phù hợp tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSNS, ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố các bị cáo **Đặng Văn C** và **Đặng Xuân Đ** về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Đặng Văn C** và **Đặng Xuân Đ** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đề nghị xử lý các bị cáo như sau:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Đặng Văn C** từ 07 năm tù đến 08 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Đặng Xuân Đ** từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS, phạt bổ sung mỗi bị cáo 05 đến 06 triệu đồng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ, túi nilon, dây thun màu đen 01 cân điện tử có trong các phong bì, ký hiệu T126, G2, G4, T3, N1, túi niêm phong mã số: 2103651; Trả lại cho chị **Bàn Thị K** số tiền 600.000 đồng. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 cân điện tử có trong túi niêm phong mã số 2103653; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo **Đặng Xuân Đ** 02 điện thoại, 01 xe mô tô; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo **Đặng Văn C** 01 điện thoại; Truy thu số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo **Đ** bán ma túy mà có. Truy thu số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo **C** bán ma túy mà có.

* Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên,; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo **Đặng Văn C** khai nhận: Trong ngày 17/6/2023 tại nhà ở (nhà cũ của **C**) thuộc thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, **Đặng Văn C** đã có hành vi bán ma túy cho **Lý Văn H1** 01 gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

Chu Văn V 02 (hai) lần, trong đó 01 (một) lần bán 01 gói với giá 100.000đ và 01 (một) lần bán 01 gói với giá 200.000đ; Đinh Quang L 01 gói với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); bán cho K2 (không biết họ tên đệm, địa chỉ) 01 gói với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); bán cho S1 (không biết họ tên đệm, địa chỉ) 01 gói với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và bán cho K1 (không biết họ tên đệm, địa chỉ) 01 gói với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). C khai nhận nguồn gốc ma túy có để bán là mua với Đặng Xuân Đ, sinh năm 1983, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Đ đang thuê nhà cũ của C) 01 (một) gói ma túy với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) vào ngày 17/6/2023 tại nhà bếp nhà cũ của C.

Bị cáo Đặng Xuân Đ khai nhận ngoài lần bán ma túy cho C vào ngày 17/6/2023 ra, tại địa điểm nhà cũ của C, ngày 24/6/2023 Đ được bán ma túy cho Lý Xuân K1 01 gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) (lần này C được giúp Đ bán) và ngày 27/6/2023 bán cho Lý Văn H1 01 gói ma túy với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) (lần này C được giúp Đ bán); Triệu Văn T1 01 gói với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Triệu Văn C1 01 gói với giá 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và bán cho C 01 gói với giá 200.000đ. Ngoài ra Đ còn khai nhận trong tháng 6/2023 (không nhớ cụ thể giờ và ngày bán) được bán ma túy cho Triệu Lãnh Đạo, Triệu Văn T3 mỗi người 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và bán cho Đinh Quang L 02 lần, mỗi lần 01 (một) gói ma túy với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Nguồn gốc ma túy có để bán Đ mua với một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) tại B, tỉnh Thái Nguyên, sau đó mang về chia nhỏ để bán kiếm lời.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 27/6/2023; Phù hợp biên bản khám xét, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, vật chứng đã thu giữ tạm giữ, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đặng Văn C và Đặng Xuân Đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo phải chịu tình tiết định khung là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[4] Trong vụ án này, các bị cáo vừa phạm tội độc lập, vừa đồng phạm gián đơn. Bị cáo **Đặng Văn C** có hành vi bán ma túy cho **Lý Văn H1**, **Chu Văn V**, **Đinh Quang L**, **K1**, **K2**, **S1** (Không rõ họ, tên đệm) thu lợi bất chính tổng số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo **Đặng Xuân Đ** có hành vi bán ma túy cho **Đặng Văn C**, **Lý Xuân K1**, **Triệu Văn T1**, **Triệu Văn C1**, **Lý Văn H1**, **Triệu Lĩnh Đ2**, **Triệu Văn T3**, **Đinh Quang L** thu lợi bất chính tổng số tiền 8.000.000 đồng. Các bị cáo là đồng phạm khi cùng nhau thực hiện hành vi bán ma túy cho **Lý Xuân K1**, **Lý Văn H1**.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, làm gia tăng tỷ lệ người nghiện ma túy trong cộng đồng, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó, cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo **Đặng Văn C** là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Đặng Xuân Đ**, vào năm 2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 20/10/2022 chấp hành xong, chưa được xóa án tích, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo **Đ** có nhân thân xấu từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, hành vi đánh bài; Từng bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân và xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm minh. Do vậy, cần xem xét xử lý mức hình phạt với bị cáo **Đặng Xuân Đ** cao hơn bị cáo **Đặng Văn C**.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo **C** đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo **Đ** cơ bản thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo mua ma túy để bán cho người nghiện kiếm lời, các bị cáo có tài sản, có thu nhập nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Các vật chứng là số ma túy (H) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ, túi nilon, dây thun màu đen ký hiệu T126, G2, G4, T3, P1, N1 xét là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô kèm 01 chìa khóa xe, 02 điện thoại di động tạm giữ là tài sản của bị cáo **Đặng Xuân Đ** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Đối với 01 điện thoại có trong phong bì niêm phong ký hiệu P1 là điện thoại của bị cáo **Đặng Văn C** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Số tiền 600.000 đồng trong tạm giữ của bị cáo **Đặng Văn C** có trong phong bì niêm phong ký hiệu N2 là tiền của chị **Bàn Thị K** không liên quan đến hành vi phạm tội, tại phiên tòa chị **K** đề nghị lấy lại nên cần trả lại cho chị **Bàn Thị K**.

Đối với 01 cân điện tử có trong 01 túi niêm phong mã số: 2103651 (loại túi zip chuyên dụng do **Bộ C2** sản xuất) đã cũ, hỏng, không còn sử dụng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cân điện tử có trong 01 túi niêm phong mã số: 2103653 (loại túi zip chuyên dụng do **Bộ C2** sản xuất) bị cáo **Đ** sử dụng để cân ma túy bán cho người nghiện cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

Số tiền 8.000.000 đồng bị cáo **Đ** bán ma túy mà có; Số tiền 1.000.000 đồng bị cáo **C** bán ma túy mà có là tiền thu lợi bất chính, các bị cáo đã tiêu dùng cá nhân hết xét cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) thẻ nhớ đã kiểm tra và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu B1 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu B2 có lưu thông tin của vụ án cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 02 điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO và **N1** là tài sản hợp pháp của anh **Lâm Huy N**, không liên quan đến vụ án. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **N** là đúng quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo **Đ** tại **B, tỉnh Thái Nguyên**. Do bị cáo không cung cấp được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với **Lý Văn H1, Đinh Quang L, Lý Xuân K1, Triệu Văn T3, Triệu Lãn Đ2, Triệu Văn C1, Triệu Văn T1** là người nghiện chất ma túy đã mua ma túy của bị cáo **C**, bị cáo **Đ** để sử dụng và đã sử dụng hết, không thu giữ được nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với **Lý Quang T4** và **Nguyễn Minh T5** là những người cùng thuê nhà với bị cáo **Đ**, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh nhưng không xác định được hai người trên hiện nay đang ở đâu nên không làm rõ được có liên quan đến vụ án hay không. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với **Lâm Huy N** qua xác minh, điều tra xác định không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với gói ma túy có khối lượng 37,71g (Ba bảy phẩy bảy một gam) thu giữ khi khám xét tại nhà cũ của bị cáo **Đặng Văn C** ngày 27/6/2023 (nhà mà bị cáo **Đ** thuê trọ), quá trình điều tra chưa xác được ai là người thực hiện hành vi cất giấu, tàng trữ trái phép gói chất ma túy trên nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và tách ra để điều tra trong vụ án khác, khi có căn cứ sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đề sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Đặng Văn C** và **Đặng Xuân Đ** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn C** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/6/2023.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân Đ** 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/8/2023.

1.3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo **Đặng Văn C** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đề sung công quỹ Nhà nước.

Phạt tiền bị cáo **Đặng Xuân Đ** 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đề sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “T126; Mẫu hoàn trả: **Đặng Văn C** (1996), tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “Giấy gói cũ và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu T1 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu G2”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “Túi nilon, dây thun màu đen và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu số NS22103652 (loại túi díp) được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu G4”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “Giấy gói cũ thu giữ của **Đặng Văn C** ngày 27/6/2023 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu T3”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “Phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu T2 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu N1”.

- 01 (một) cân điện tử dạng hình tròn màu đen, vỏ mặt cân bằng nhựa màu bạc, cân cũ đã qua sử dụng có trong 01 (một) túi niêm phong mã số: 2103651 (loại túi díp chuyên dụng do **Bộ C2** sản xuất).

2.2. Tịch thu hóa giá nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) cân điện tử dạng hình tròn màu đen, vỏ mặt cân bằng nhựa màu bạc có 01 (một) vết cháy xém ở lòng mặt cân, cân cũ đã qua sử dụng có trong 01 (một) túi niêm phong mã số: 2103653 (loại túi díp chuyên dụng do **Bộ C2** sản xuất).

2.3. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo **Đặng Văn C**: Điện thoại và phong bì niêm phong cũ có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu P1 (Phong bì niêm phong cũ ký hiệu A1).

2.4. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo **Đặng Xuân Đ**

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, máy đã qua sử dụng sau kiểm tra có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu K3 (kèm theo phong bì cũ đã ký hiệu K5).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã kiểm tra và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu A2 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu K4.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA ABLADE, màu sơn: Đen - vàng, biển số đăng ký: 97E1-00780, số khung RLHJK 1401NZ252731, số máy JK14E0125697, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 (một) chìa khóa xe mô tô (loại chìa khóa điện tử).

2.5. Truy thu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do bị cáo **Đặng Văn C** bán ma túy mà có; Truy thu số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) do bị cáo **Đặng Xuân Đ** bán ma túy mà có.

2.6. Trả lại cho chị **Bàn Thị K**, sinh năm 1997 - Địa chỉ: **Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**: Số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tạm giữ của **Đặng Văn C** có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu N2.

2.7. Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) thẻ nhớ đã kiểm tra và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu B1 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu B2.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Đặng Văn C** phải chịu 200.000 đồng, buộc bị cáo **Đặng Xuân Đ** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Nhà tạm giữ Công an huyện;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ